

THANH TRA CHÍNH PHỦ
Số: 326/QĐ-TTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế xử lý kỷ luật đối với công chức,
viên chức của cơ quan thanh tra Chính Phủ

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức của cơ quan Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy chế xem xét, xử lý kỷ luật đối với công chức của cơ quan Thanh tra Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 2767/2011/QĐ-TTCP ngày 12/10/2011 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG THANH TRA

(Đã ký)

QUY CHẾ

Về việc xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức của cơ quan thanh tra Chính Phủ

(Ban hành kèm Quyết định số: 326/QĐ-TTCP ngày 27 tháng 02
năm 2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ)

Chương 1.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định việc áp dụng hình thức kỷ luật; thời hiệu, thời hạn thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

- Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật.
- Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu công chức, viên chức có nhiều hành vi vi phạm pháp luật hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm pháp luật và chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.
- Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật.
- Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.

5. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của công chức, viên chức trong quá trình xử lý kỷ luật.

Điều 3. Các trường hợp bị xử lý kỷ luật

Công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật khi có hành vi vi phạm pháp luật trong các trường hợp sau:

1. Vi phạm các quy định tại Điều 3, Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2011/NĐ-CP).
2. Vi phạm các quy định tại Điều 4, Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2012/NĐ-CP).

Điều 4. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật và các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật

1. Đối với công chức: thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Nghị định số 34/2011/NĐ-CP của Chính phủ.
2. Đối với viên chức: thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Nghị định số 27/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương 2.

THỜI HIỆU, THỜI HẠN XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 5. Thời hiệu xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng, kể từ thời điểm công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật cho đến thời điểm Tổng Thanh tra Chính phủ hoặc Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp ra thông báo bằng văn bản về việc xem xét xử lý kỷ luật.
2. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật quy định tại Điều 7 Quy chế này phải ra thông báo bằng văn bản về việc xem xét xử lý kỷ luật. Thông báo phải nêu rõ thời điểm công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật, thời điểm phát hiện công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật và thời hạn xử lý kỷ luật.

Điều 6. Thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hạn xử lý kỷ luật tối đa là 02 tháng, kể từ ngày phát hiện công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật cho đến ngày Tổng Thanh tra Chính phủ hoặc Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp ra quyết định xử lý kỷ luật.
2. Trường hợp vụ việc có liên quan đến nhiều người, có tang vật, phương tiện cần giám định hoặc những tình tiết phức tạp khác thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 04 tháng.

Chương 3.

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 7. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

1. Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét và quyết định hình thức kỷ luật đối với công chức thuộc khối hành chính cơ quan Thanh tra Chính phủ và các trường hợp được quy định là công chức tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Thanh tra Chính phủ (trừ các trường hợp công chức là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý).
2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp xem xét và quyết định hình thức kỷ luật đối với viên chức thuộc quyền quản lý.
3. Đối với công chức biệt phái, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức được cử đến biệt phái tiến hành xử lý kỷ luật, quyết định hình thức kỷ luật và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan Thanh tra Chính phủ. Đối với viên chức biệt phái, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi viên chức được cử đến biệt phái tiến hành xem xét xử lý kỷ luật, đề nghị hình thức kỷ luật và gửi hồ sơ xử lý kỷ luật về đơn vị sự nghiệp cử viên chức biệt phái để ra quyết định kỷ luật theo thẩm quyền.
4. Đối với công chức, viên chức đã chuyển công tác mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật mà còn trong thời hiệu quy định, thì cơ quan Thanh tra Chính phủ vẫn tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật, quyết định hình thức kỷ luật và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan đang quản lý công chức, viên chức.

Điều 8. Áp dụng hình thức kỷ luật

1. Các hình thức kỷ luật đối với công chức thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP về xử lý kỷ